

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hiện chỉ tiêu của lực lượng bán hàng chủ động**  
**Tháng 06/2025**

Kính gửi: Lãnh đạo Bưu điện tỉnh

Họ tên: **Phạm Quang Việt**  
Đơn vị: **Tân Hiệp**  
- Căn cứ theo văn bản số 229/BĐKG-KD-TCHC ngày 20/02/2025 của Bưu điện tỉnh Kiên Giang V/v cơ chế chi trả thu nhập cho LLBH dịch vụ BCCP năm 2025  
- Căn cứ theo kết quả thực hiện thực tế:

**1. Lương kinh doanh LLBH CT**

TT	Chỉ tiêu	Tháng 06/2025						
		Trọng số	Mục tiêu			Đánh giá kết quả		
			Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trọng số	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ % thực hiện	Quy đổi thành tiền
A	KPIs LLBH Chuyên trách	100%			100%		1,500,000	
1	Thực hiện tiếp thị khách hàng		48	KH	40%	28	58%	350,000
2	Thu thập KHTN mới đầy đủ thông tin theo quy định BDT		24	%	30%	48	100%	450,000
3	Thu thập thông tin đối thủ cạnh tranh (giá, chính sách, mạng lưới,...).		100	Triệu đồng	10%	60	60%	90,000
4	Thực hiện chăm sóc khách hàng mới trong 03 tháng đầu ký hợp đồng		100	%	10%	38	38%	57,000
5	Phối hợp với các đơn vị/BC/đồng nghiệp giải quyết các vấn đề phát sinh. Thực hiện báo cáo theo yêu cầu BDT đúng tiến độ		100	%	10%	100	100%	150,000
Thu nhập (1)							1,097,000	

**2. Hoa hồng bán hàng cho LLBH**

(chỉ áp dụng các KHM đăng ký có doanh thu từ 0,5 triệu đồng trở lên (sau chiết khấu, trước VAT):

A	Tháng thứ nhất:	Doanh thu KHM	Chiết khấu/trích thưởng			Quy đổi thành tiền
			Mức % tối đa cho KH	Mức % đã chi cho KH	Mức % còn lại của LLBH	
1	Khách hàng Truyền thống		20%		20%	-
2	Khách hàng TMĐT	20,050,512	25%	12.63%	12%	2,480,248
3	Nhóm KH quốc tế		30%		30%	-
4	Nhóm KH quốc tế chuyên tuyến		10%		10%	-
5	Nhóm KH đặc biệt: nguyên chuyển, Logistics,...		10%		10%	-
Thu nhập (2)						2,480,248

**4. Phụ cấp:**

TT	Chi phí	Ngày công	Ngày làm thực tế	Chi phí thực tế
1	Xăng xe 500.000 đồng/ngày công làm thực tế	24.5	24.5	500,000
2	Điện thoại: 100.000đ/tháng			100,000
Chi phí:				600,000

Tổng cộng: Thu nhập (1)+(2)+(3)+chi phí:	4,177,248
--	-----------